

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2019

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông Quý II năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo Văn phòng Chính phủ, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Quý II năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ

##### 1. Đánh giá tác động quy định TTHC

Trong Quý II năm 2019, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đang tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc kiểm soát quy định TTHC trong các dự thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Tuy vậy, trong Quý II năm 2019, UBND tỉnh Hà Tĩnh không ban hành Văn bản QPPL nào có quy định TTHC cần tham gia ý kiến và thực hiện đánh giá tác động theo quy định.

##### 2. Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL

Thực hiện các văn bản của Chính phủ về kiểm soát TTHC và các văn bản của tỉnh quy định về trình tự, thủ tục ban hành, kiểm tra VBQPPL của UBND tỉnh, việc thẩm định, thẩm tra TTHC quy định trong các dự thảo VBQPPL được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định. Trong Quý II năm 2019, UBND tỉnh ban hành 22 VBQPPL, nhưng không có văn bản liên quan đến quy định TTHC nên không phải thẩm định, thẩm tra.

(Các văn bản được đăng tải trên <http://congbao.hatinh.gov.vn>)

##### 3. Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào CSDLQG

###### a) Về công bố TTHC:

Trong Quý II năm 2019, trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành 07 Quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC của các ngành gồm: Ngoại vụ, Công Thương; Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; liên thông: Tư pháp, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong đó, số lượng TTHC công bố áp dụng

tại địa phương là 207 thủ tục, số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG là 207 thủ tục (*chi tiết tại Biểu 3b kèm theo*).

Tính đến ngày 15/6/2019 trên địa bàn tỉnh có 39 Quyết định công bố TTHC đang có hiệu lực với 1.826 TTHC, trong đó có 1.360 TTHC cấp tỉnh, 314 TTHC cấp huyện và 152 TTHC cấp xã.

*b) Về công khai và đăng nhập TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia:*

Tất cả các TTHC sau khi được công bố đều chỉ đạo các đơn vị, địa phương niêm yết, công khai đầy đủ, kịp thời tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; đồng thời đăng tải trên trang, cổng thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương và trên Cổng thông tin Dịch vụ công trực tuyến của UBND tỉnh.

Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành nhập và đăng tải, công khai các TTHC lên CSDL quốc gia về TTHC ngay sau công bố để cá nhân, tổ chức tra cứu, thực hiện.

#### **4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

*a) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC*

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 14/5/2019); chỉ đạo các địa phương tiếp tục vận hành thông suốt, có hiệu quả Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Bên cạnh đó, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh xây dựng, công bố quy trình nội bộ giải quyết từng TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của đơn vị mình; TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

- Ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa ngành điện với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo chỉ đạo của Bộ Công Thương.

Nhìn chung, việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức tận tình, chuyên nghiệp hơn, trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện TTHC, kiểm soát quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được tăng cường; có phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; ứng dụng phần mềm vào việc theo dõi tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả TTHC; có văn bản nêu rõ lý do gửi cho đối tượng thực hiện TTHC trong trường hợp gia hạn thời gian giải quyết, đề nghị bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ...

### b) Về kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC

Trong Quý II năm 2019, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 3 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là **212.394** hồ sơ, cụ thể: Cấp tỉnh tiếp nhận **21.282** hồ sơ; UBND cấp huyện tiếp nhận **31.692** hồ sơ; UBND cấp xã tiếp nhận **159.420** hồ sơ. Trong đó:

(1). Số hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến là **4.296** hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 765 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 360 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 3.171 hồ sơ*).

(2). Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua là **5.415** hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 1.617 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 2.827 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 971 hồ sơ*).

(3). Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính) là **202.683** hồ sơ (*cấp tỉnh tiếp nhận 18.900 hồ sơ, cấp huyện tiếp nhận 28.505 hồ sơ, cấp xã tiếp nhận 155.278 hồ sơ*).

(4). Tổng số hồ sơ đã giải quyết là **205.988** hồ sơ (*trả đúng hạn 205.782 hồ sơ, trả quá hạn 206 hồ sơ*).

(5). Tổng số hồ sơ đang giải quyết là **6.406** hồ sơ (*chưa đến hạn là 6.299 hồ sơ, quá hạn là 107 hồ sơ*).

(6). Tổng số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa **212.368** hồ sơ (*đúng hạn 205.762 hồ sơ, quá hạn 203 hồ sơ, chưa đến hạn 6.403 hồ sơ*).

*(Chi tiết tại Biểu số 06d/VPCP/KSTT/KTTH kèm theo).*

### 5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Ngày 18/6/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (*thay thế Quy chế kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh*). Trên cơ sở đó, địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính, hành vi hành chính được niêm yết công khai đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã, đồng thời niêm yết công khai trên trang, công thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.

Trong Quý II năm 2019, UBND tỉnh nhận được 01 phản ánh, kiến nghị của cá nhân Ông Dương Văn Tính (Xóm Trung Phố - xã Gia Phố - huyện Hương Khê - tỉnh Hà Tĩnh) về hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai do Văn phòng Chính phủ chuyển đến trên Hệ thống <https://nguoidan.chinhphu.vn>. Sau khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 2608/UBND-TCD ngày 02/5/2019 giao UBND huyện Hương Khê nghiên cứu, rà soát, tổng hợp, trả lời đơn phản ánh, kiến nghị theo thẩm quyền. Đến nay kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị đã được đăng tải, công khai trên Hệ thống <http://nguoidan.chinhphu.vn> theo đúng quy định.

*(Chi tiết tại Biểu số 05b/VPCP/KSTT kèm theo)*

### 6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2019 về kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh, trong đó UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện,

cấp xã trên cơ sở các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình nghiên cứu, lựa chọn các TTHC có thành phần hồ sơ phức tạp, chồng chéo, thời hạn giải quyết dài, điều kiện thực hiện TTHC khó khăn để đưa vào Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC, gửi kết quả về UBND tỉnh trong tháng 7 năm 2019 để xem xét, tổng hợp.

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá TTHC của các đơn vị, địa phương, UBND tỉnh sẽ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh, gửi Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

### **7. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh về kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh, Hà Tĩnh đã chủ động cập nhật kịp thời, thường xuyên, liên tục các văn bản chỉ đạo, thông tin về kiểm soát TTHC và toàn bộ TTHC do UBND tỉnh công bố trên trang <http://congbao.hatinh.gov.vn>, Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (<http://dichvucong.hatinh.gov.vn>). Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đưa các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác kiểm soát TTHC và toàn bộ TTHC thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý lên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị và các hình thức tuyên truyền khác nhằm giúp người dân, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tiếp cận, khai thác, thông tin về TTHC thuận tiện, nhanh chóng.

Chỉ đạo Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tham gia giám sát hoạt động cải cách TTHC của các cơ quan hành chính Nhà nước, qua đó góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, tính chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết công việc có liên quan đến TTHC của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời thực hiện nghiêm túc việc niêm yết, công khai TTHC; nội dung, địa chỉ, số điện thoại tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính của cá nhân, tổ chức tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương để người dân và doanh nghiệp biết, theo dõi và thực hiện.

Thường xuyên chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh có các phóng sự, tin bài, chuyên đề, bản tin về CCHC nói chung, kiểm soát TTHC nói riêng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực hoặc chưa hiệu quả của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **8. Về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC**

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 501/KH-UBND ngày 15/02/2019 về việc thành lập Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở đó Tổ công tác kiểm tra đột xuất việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ,

giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao các sở, ban, ngành, địa phương.

Trong Quý II năm 2019, Tổ công tác đã thực hiện kiểm tra giám sát tại 13 sở, ban, ngành<sup>1</sup>; 07 đơn vị cấp huyện<sup>2</sup> và 11 đơn vị cấp xã<sup>3</sup>. Ngoài ra, Tổ công tác phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kiểm tra, giám sát việc di dời các Trạm phát sóng BTS của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh ra khỏi đất công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1072/UBND-KGVX<sub>1</sub> ngày 07/3/2018 và Văn bản số 2902/UBND-KGVX<sub>1</sub> ngày 14/5/2019; kiểm tra nhà máy xử lý rác thải tại xã Phù Việt, huyện Thạch Hà; kiểm tra việc thực hiện Thông báo kết luận của Đoàn thanh tra công vụ tại UBND huyện Hương Khê. Thời gian tới, Tổ công tác tiếp tục thực hiện kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh.

Qua kiểm tra Tổ công tác sẽ đánh giá toàn diện, đầy đủ việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC cũng như tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao so với yêu cầu đề ra; có ý kiến về sự phù hợp của nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo đã giao so với thực tiễn. Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương cho người dân, doanh nghiệp; quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo đã giao để tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng giải quyết hoặc có biện pháp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan. Báo cáo đầy đủ và chính xác tình hình, kết quả kiểm tra tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã được kiểm tra; kiến nghị các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra; kiến nghị các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định (nếu có) với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh chuẩn bị báo cáo, tài liệu và các nội dung liên quan để làm việc với Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về công tác CCHC giai đoạn 2015-2018 trên địa bàn tỉnh.

## 9. Nội dung khác

- Ban hành Kế hoạch hành động số 84/KH-UBND ngày 29/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số

<sup>1</sup> Các Sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Lao động - Thương binh và xã hội, Giao thông Vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý KKT tỉnh.

<sup>2</sup> UBND cấp huyện: Kỳ Anh, Hương Sơn, TX Hồng Lĩnh, Thạch Hà, TP Hà Tĩnh, Vũ Quang, Hương Khê.

<sup>3</sup> UBND cấp xã: Kỳ Trung, Kỳ Châu (huyện Kỳ Anh); Sơn Kim 1 và Sơn Giang (huyện Hương Sơn); UBND phường Bắc Hồng, Phường Đức Thuận (TX Hồng Lĩnh), Thạch Bình (TP Hà Tĩnh); Phù Việt (Thạch Hà); Thị trấn Vũ Quang (Vũ Quang), Hương Vĩnh, Thị trấn Hương Khê (Hương Khê).

nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và tổ chức thực hiện.

- Ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 23/5/2019 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

- Thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức; UBND tỉnh đã tổ chức thực hiện, đồng thời vận hành có hiệu quả phần mềm gửi nhận văn bản điện tử từ Trung tâm tích hợp dữ liệu, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đáp ứng liên thông và đảm bảo kết nối với Trục liên thông gửi nhận văn bản của Chính phủ. Đồng thời ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, ban hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019)

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Đánh giá chung

Công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh trong Quý II năm 2019 có nhiều kết quả tích cực. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đã tích cực trong việc triển khai các kế hoạch của UBND tỉnh, các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, điều hành. Bên cạnh những nhiệm vụ thường xuyên trong công tác kiểm soát TTHC, UBND tỉnh đã triển khai đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ do Chính phủ, Văn phòng Chính phủ giao.

Công tác cập nhật, công bố danh mục TTHC theo các Quyết định của bộ, ngành Trung ương được các sở, ban, ngành tích cực thực hiện. Hầu hết TTHC các lĩnh vực áp dụng trên địa bàn tỉnh được công bố chuẩn hóa ở cả 3 cấp chính quyền và xây dựng quy trình nội bộ TTHC để có cơ sở xây dựng quy trình điện tử. Đồng thời các TTHC được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định và bằng nhiều hình thức phong phú; quá trình giải quyết TTHC được công khai minh bạch ngay từ khi tiếp nhận cho đến giải quyết và trả kết quả trên phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông (Hệ thống thông tin DVC trực tuyến <http://dichvucung.hatinh.gov.vn>); nhiều TTHC được rút ngắn thời gian thực hiện, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC.

Ngoài ra, công tác kiểm tra được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện và có những đánh giá khách quan về công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo kịp thời, đúng đắn nhằm tăng cường công tác này trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

## **2. Khó khăn, vướng mắc**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC vẫn còn tình trạng chậm trễ và quá thời hạn giải quyết, đặc biệt là ở cấp huyện, cấp xã. Nguyên nhân của việc quá hạn, chậm giải quyết hồ sơ TTHC: Do thiếu biện chế; trình độ của cán bộ công chức, viên chức; lỗi phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông; do sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị và giữa các cấp chưa tốt; do thiếu thốn về cơ sở vật chất; do hồ sơ đang vướng mắc trong diện tích đất... và các nguyên nhân khách quan khác.

- Tác động của công tác tuyên truyền về CCHC đối với người dân, doanh nghiệp còn cầm chừng, chưa có bước đột phá; trình độ công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, do đó sự quan tâm của người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa cao.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ III NĂM 2019**

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương liên quan về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

- Tiếp tục, đôn đốc, chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên cập nhật, trình UBND tỉnh công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC nhằm chuẩn hóa TTHC cấp tỉnh, huyện, xã theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 và Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ; tổ chức niêm yết, công khai toàn bộ TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã theo quy định và bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

- Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh để phê duyệt kết quả đơn giản hóa TTHC gửi các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

- Tăng cường tiếp nhận, phối hợp xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, hành vi hành chính đáp ứng nhu cầu chính đáng của công dân.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cá nhân, tổ chức, đồng thời đảm bảo cơ sở vật chất đầy mạnh việc giải quyết TTHC qua dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4.

- Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin DVC trực tuyến, đồng thời tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cho các cán bộ đầu mối

kiểm soát TTHC nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại đơn vị, địa phương.

#### IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để công tác kiểm soát TTHC tiếp tục phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ kịp thời cho Nhân dân, sớm khắc phục những vướng mắc, giảm thiểu phiền hà, khó khăn trong thực hiện các TTHC, UBND tỉnh Hà Tĩnh kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

- Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương ban hành các văn bản QPPL đồng bộ, có tính ổn định lâu dài, hạn chế sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện ở địa phương, đặc biệt là các văn bản có quy định về TTHC. Kịp thời thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung, công bố đầy đủ và ban hành các TTHC, văn bản QPPL có quy định về TTHC của các cấp chính quyền (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để địa phương tổ chức thực hiện TTHC thuận lợi; đồng thời rà soát, nghiên cứu cắt giảm những TTHC không cần thiết mà các địa phương đã kiến nghị.

- Chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương rà soát, điều chỉnh thời gian chốt số liệu báo cáo trong báo cáo định kỳ theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ; thực hiện chia sẻ dữ liệu trên các phần mềm chuyên ngành để các tỉnh kết nối, khai thác, sử dụng.

- Có văn bản cụ thể hướng dẫn việc công bố các TTHC đã được chuẩn hóa tại các Quyết định công bố TTHC của bộ, ngành Trung ương nhưng không đáp ứng được yêu cầu về TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ như: Không có thành phần hồ sơ, thời hạn, kết quả giải quyết TTHC,...

- Kiến nghị với Bộ Xây dựng sớm chuẩn hóa lại đầy đủ các TTHC theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ để các địa phương có căn cứ triển khai, thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông Quý II năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ Quý III năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Hà Tĩnh báo cáo báo cáo Văn phòng Chính phủ, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định./.

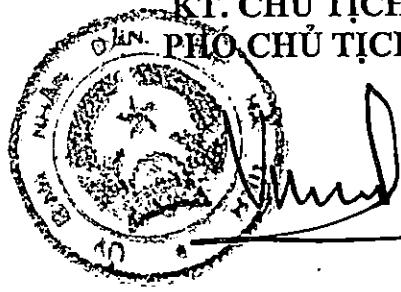
##### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Chánh VP, các Phó VP;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT,

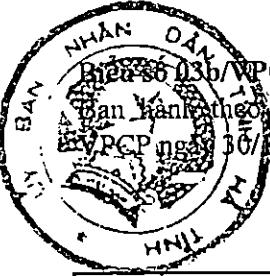
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Vinh



Biên số 03b/WPCP/KSTT  
Đã ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
WPCP ngày 16/3/2017.

**SỔ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,  
CÔNG KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG**  
Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2019  
(Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 15/6/2019)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG	Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Sổ VBQPPL, TTHC được công bố :				Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai				
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số VBQPPL			Số TTHC			VBQPPL					
							Tổng số	Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi bô sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	Ban hành mới hoặc sửa đổi bô sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	
A					(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
	Tổng số	7	207	207	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Sở Ngoại vụ	1	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Sở Công Thương	2	113	113	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	37	37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	2	46	46	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Sở Tư pháp (liên thông TTHC: Tư pháp, Công an, LĐTBXH)	1	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Biểu số 05b/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP  
ngày 30/10/2017.

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIẾN  
NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH  
Kỳ Báo cáo: Quý 2/Năm 2019  
(Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 15/6/2019)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
Chính phủ

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)		Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý		
	Tổng số	Chia ra		Đã xử lý				Đang xử lý					
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra				
				Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
Lĩnh vực Đất đai	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	
Tổng số	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Biểu số 06d/VPCP/KSTT/KTTH  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP  
ngày 30/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**  
Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2019  
(Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 15/6/2019)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ  
(Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	21282	765	1617	18900	19526	19523	3	1756	1755	1	21256	19503	0	1753
I	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC	1097	0	0	1097	1069	1069	0	28	28	0	1097	1069	0	28
1	Lĩnh vực Thành lập doanh nghiệp	889	0	0	889	880	880	0	9	9	0	889	880	0	9
2	Lĩnh vực xây dựng cơ bản	87	0	0	87	80	80	0	7	7	0	87	80	0	7
3	Lĩnh vực đầu tư trong nước	114	0	0	114	102	102	0	12	12	0	114	102	0	12
4	Lĩnh vực NGO và ODA	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
5	Lĩnh vực đầu tư nước ngoài	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
	Lĩnh vực PPP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực lựa chọn nhà đầu tư	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
II	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	768	355	1	412	761	761	0	7	7	0	768	761	0	7

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyền qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)										Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	9	0	0	9	7	7	0	2	2	0	9	7	0	2
2	Lĩnh vực Điện	11	0	0	11	8	8	0	3	3	0	11	8	0	3
3	Lĩnh vực Kinh doanh khí	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
4	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	15	0	1	14	15	15	0	0	0	0	15	15	0	0
5	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	9	0	0	9	7	7	0	2	2	0	9	7	0	2
6	Lĩnh vực Vật liệu nô công nghiệp	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
7	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	722	355	0	367	722	722	0	0	0	0	722	722	0	0
III	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC	232	84	0	148	231	231	0	1	1	0	232	231	0	1
1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	13	0	0	13	13	13	0	0	0	0	13	13	0	0
2	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ	219	84	0	135	218	218	0	1	1	0	219	218	0	1
IV	TTHC do Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC	4608	139	0	4469	4458	4458	0	150	150	0	4608	4458	0	150
1	Phù hiệu các loại	101	9	0	92	101	101	0	0	0	0	101	101	0	0
2	Giấy phép xe tập lái	54	0	0	54	54	54	0	0	0	0	54	54	0	0
3	Giấy phép liên vận Việt - Lào	370	130	0	240	370	370	0	0	0	0	370	370	0	0
4	Giấy phép KDVT	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
5	Cấp đổi, cấp lại GPLX	1804	0	0	1804	1654	1654	0	150	150		1804	1654	0	150
6	Cấp mới GPLX	2201	0	0	2201	2201	2201	0	0	0	0	2201	2201	0	0
7	Đăng ký xe máy chuyên dùng, cải hoán PT	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0
8	Thẩm định thiết kế	55	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết		Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết	
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết
9	Đăng ký phương tiện TND	1	0	0	55	55	55	0	0		0	55	55	0	0
V	TTHC do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, giải quyết TTHC	3490	17	309	3164	3206	3206	0	284	283	1	3490	3206	0	284
1	Lĩnh vực An toàn lao động	33	0	4	29	33	33	0	0	0	0	33	33	0	0
2	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
3	Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	22	0	3	19	15	15	0	7	7	0	22	15	0	7
4	Lĩnh vực Người có công	1478	8	261	1209	1284	1284	0	194	194	0	1478	1284	0	194
	Lĩnh vực Quản lý lao động nước ngoài	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
5	Lĩnh vực Việc làm	1951	9	40	1902	1868	1868	0	83	82	1	1951	1868	0	83
VI	TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	42	0	1	41	39	39	0	3	3	0	42	39	0	3
1	Lĩnh vực Đối ngoại	42	0	1	41	39	39	0	3	3	0	42	39	0	3
VII	TTHC do Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận, giải quyết TTHC	1937	0	2	1935	1932	1932	0	5	5	0	1937	1932	0	5
1	Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
2	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y	1587	0	0	1587	1587	1587	0	0	0	0	1587	1587	0	0
3	Lĩnh vực QLCL NLS và TS	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
4	Lĩnh vực Lâm nghiệp	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Lĩnh vực Thủy lợi	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
6	Lĩnh vực Thủy sản	316	0	0	316	316	316	0	0	0	0	316	316	0	0
7	Lĩnh vực QLXD công trình	17	0	2	15	13	13	0	4	4	0	17	13	0	4

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết		Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn					
VIII	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	70	0	38	32	61	58	3	9	9	0	62	54	0	8
1	Lĩnh vực: Thi đua, khen thưởng	62	0	35	27	54	54	0	8	8	0	62	54	0	8
2	Lĩnh vực Tôn giáo	8	0	3	5	7	4	3	1	1	0	0	0	0	0
IX	TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC	463	0	12	451	446	446	0	17	17	0	463	446	0	17
1	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư.	70	0	12	58	53	53	0	17	17	0	70	53	0	17
2	Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Đối với các dự án do cấp tỉnh, huyện, xã quyết định đầu tư).	393	0	0	393	393	393	0	0	0	0	393	393	0	0
X	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC	757	9	138	610	595	595	0	162	162	0	757	595	0	162
1	Lĩnh vực Nhà ở và công sở	5	0	1	4	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
2	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	62	0	5	57	53	53	0	9	9	0	62	53	0	9
3	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	97	0	12	85	69	69	0	28	28	0	97	69	0	28
4	Lĩnh vực Xây dựng	593	9	120	464	468	468	0	125	125	0	593	468	0	125
XI	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC	5857	9	807	5041	5176	5176	0	681	681	0	5853	5174	0	679

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)									
1	Lĩnh vực Thanh tra	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	5845	9	807	5029	5166	5166	0	679	679	0	5845	5166	0
4	Lĩnh vực Luật sư	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0
5	Lĩnh vực Công chứng	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	2	2	0
6	Lĩnh vực Đấu giá tài sản	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0
XII	TTHC do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC	96	38	4	54	90	90	0	6	6	0	96	90	0
1	Lĩnh vực Du lịch	15	2	2	11	13	13	0	2	2	0	15	13	0
2	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn	13	8	0	5	13	13	0	0	0	0	13	13	0
	Lĩnh vực Thể dục thể thao	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0
3	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	66	28	2	36	62	62	0	4	4	0	66	62	0
XIII	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC	861	1	141	719	698	698	0	163	163	0	861	698	0
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	14	0	2	12	13	13	0	1	1	0	14	13	0
2	Lĩnh vực Đào tạo, nghiên cứu khoa học và CNTT	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0
3	Lĩnh vực Dược phẩm	290	0	84	206	228	228	0	62	62	0	290	228	0
4	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh	549	1	55	493	453	453	0	96	96	0	549	453	0
5	Lĩnh vực Mỹ phẩm	4	0	0	4	0	0	0	4	4	0	4	0	4
6	Lĩnh vực Y tế dự phòng	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0
XIV	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC	239	79	28	132	165	165	0	74	74	0	239	165	0
1	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ	7	4	2	1	6	6	0	1	1	0	7	6	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết			Đã giải quyết	Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết	
STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp		Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn				
2	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	46	26	3	17	38	38	0	8	8	0	46	38	0	8
3	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	85	0	22	63	22	22	0	63	63	0	85	22	0	63
4	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	101	49	1	51	99	99	0	2	2	0	101	99	0	2
XV	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết TTHC	383	7	130	246	234	234	0	149	149	0	383	234	0	149
1	Lĩnh vực Biển và Hòn đảo	8	0	3	5	5	5	0	3	3	0	8	5	0	3
2	Lĩnh vực Đất đai	204	6	75	123	115	115	0	89	89	0	204	115	0	89
3	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
4	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm	46	0	3	43	44	44	0	2	2	0	46	44	0	2
5	Lĩnh vực Khoáng sản	15	0	2	13	13	13	0	2	2	0	15	13	0	2
6	Lĩnh vực Môi trường	80	1	31	48	47	47	0	33	33	0	80	47	0	33
7	Lĩnh vực Tài nguyên nước	29	0	16	13	9	9	0	20	20	0	29	9	0	20
XVI	TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC	28	27	1	0	21	21	0	7	7	0	28	21	0	7
1	Lĩnh vực Báo chí, Xuất bản	27	26	1	0	20	20	0	7	7	0	27	20	0	7
2	Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
XVII	TTHC do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	340	0	5	335	330	330	0	10	10	0	340	330	0	10
1	Lĩnh vực Đầu tư	6	0	1	5	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
2	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0
	Lĩnh vực Đất đai	5	0	2	3	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết		Tổng số	Đã giải quyết	Đang thời hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
3	Lĩnh vực Lao động việc làm	317	0	2	315	307	307	0	10	10	0	317	307	0	10
XVIII	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	14	0	0	14	14	14	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khiếu nại	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tố cáo	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (13 đơn vị cấp huyện)	31692	360	2827	28505	28975	28836	139	2717	2673	44	31692	28836	139	2717
1	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường	21860	38	2265	19557	19842	19703	139	2018	1978	40	21860	19703	139	2018
2	Lĩnh vực Tư pháp	1286	10	5	1271	1277	1277	0	9	9	0	1286	1277	0	9
3	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	85	0	1	84	84	84	0	1	1	0	85	84	0	1
4	Lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội	4650	18	299	4333	4389	4389	0	261	261	0	4650	4389	0	261
5	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	42	0	1	41	39	39	0	3	3	0	42	39	0	3
6	Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách	588	28	62	498	506	506	0	82	82	0	588	506	0	82
7	Lĩnh vực Công Thương	87	4	8	75	74	74	0	13	13	0	87	74	0	13
8	Lĩnh vực Y tế	123	0	0	123	123	123	0	0	0	0	123	123	0	0
9	Lĩnh vực Nội vụ	97	6	9	82	78	78	0	19	17	2	97	78	0	19
10	Lĩnh vực Xây dựng - Giao thông	1011	11	115	885	908	908	0	103	103	0	1011	908	0	103
11	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	119	5	7	107	102	102	0	17	16	1	119	102	0	17
12	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	5	0	1	4	2	2	0	3	3	0	5	2	0	3
13	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch	22	0	0	22	20	20	0	2	2	0	22	20	0	2

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đã giải quyết	Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)												
14	Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã	1298	229	18	1051	1151	1151	0	147	147	0	1298	1151	0	147
15	Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm	331	11	33	287	302	302	0	29	28	1	331	302	0	29
16	Lĩnh vực Đầu tư trong nước	27	0	3	24	19	19	0	8	8	0	27	19	0	8
17	Lĩnh vực Đấu thầu	61	0	0	61	59	59	0	2	2	0	61	59	0	2
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (262 đơn vị cấp xã)	159420	3171	971	155278	157487	157423	64	1933	1871	62	159420	157423	64	1933
1	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	11477	0	526	10951	10449	10389	60	1028	991	37	11477	10389	60	1028
2	Lĩnh vực Tư pháp; TTHC liên thông (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi)	139308	3009	149	136150	138924	138924	0	384	366	18	139308	138924	0	384
3	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	8162	162	268	7732	7694	7694	0	468	461	7	8162	7694	0	468
4	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	89	0	13	76	50	46	4	39	39	0	89	46	4	39
5	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14	0	12	2	2	2	0	12	12	0	14	2	0	12
6	Lĩnh vực Nội vụ	20	0	0	20	20	20	0	0	0	0	20	20	0	0
7	Lĩnh vực Giao thông - Xây dựng - Nông nghiệp	350	0	3	347	348	348	0	2	2	0	350	348	0	2
	TỔNG A + B + C	212394	4296	5415	202683	205988	205782	206	6406	6299	107	212368	205762	203	6403

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Biểu số 06g/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 30/10/2017.

NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐÓI VỚI  
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
Kỳ Báo cáo: Quý 2/Năm 2019  
(Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 15/6/2019)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Hà Tĩnh  
Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng Chính phủ

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	CẤP TỈNH	0		
B	CẤP HUYỆN	139		
1	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường	139	119 x a4 x b1 (do tỉnh mới sáp nhập, kiện toàn VPĐKQSĐĐ một cấp, đang thiếu biên chế, số lượng hồ sơ lớn nên xử lý chậm; đã có VB xin lỗi). 20 x d (người dân nộp thuế chậm; cán bộ xuống kiểm tra, đo đạc thì hộ dân vắng mặt; do hồ sơ đang vướng mắc trong diện tích đất; do lãnh đạo đi vắng, phê duyệt chậm).	
C	CẤP XÃ	64		
1	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường	60	2 x b1; 2 x c2; 56 x d (do lãnh đạo đi họp, phê duyệt chậm; do vướng mắc trong quá trình xử lý)	
4	Lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	4	4 x d (do vướng mắc trong quá trình xử lý, cán bộ chuyên môn xử lý chậm)	
	Tổng số:	203		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH